TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DSTC-ST
Ngày 27-9-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H , TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Thi

2. Ông Đinh Văn Thân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tống Thị Nghĩa - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2024/TLST-DSTC ngày 03 tháng 7 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXX-ST ngày 26/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/QĐST ngày 11/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: SN 353, đường N, tổ 10, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Vi Thị Th; địa chỉ: SN 16, ngõ 11A, đường C, tổ 1, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Phan Thị T; địa chỉ: SN 16, ngõ 11A, đường Cầu Phát, tổ 1, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Vi Thị Th. *Có mặt*.

2. Anh Lý Hồng S; địa chỉ: SN 16, ngõ 11A, đường Cầu Phát, tổ 1, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, trình bày:*

Do bà và bà Vi Thị Th có mối quan hệ và quen biết nhau từ trước, nên ngày 01/12/2015 bà đã cho bà Th vay số tiền 300.000.000 đ, để giải quyết công việc. Khi cho bà Th vay tiền có cụ T (mẹ của bà Th) và anh S (con trai bà Th) cùng ký tên vào "Giấy ủy quyền kiêm giấy vay tiền". Cụ T có làm ủy quyền cho bà Trần Thị Xuyến địa chỉ Tổ 08, phường M, thành phố H là người nhận lĩnh lương hưu (*Do bà phải vay tiền của của bà Xuyến để cho bà Th vay lại*). Đến ngày 29/01/2016, bà Th vay thêm của bà số 10.000.000 đồng, ngày 07/2/2016 bà Th vay tiếp số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số 03 lần bà Th đã vay của bà số tiền là 330.000.000 đ (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*), khoản vay được hai bên thỏa thuận là vay có lãi suất. Từ ngày 01/12/2015 đến 01/02/2017 bà Th thanh toán tiền lãi cho bà bằng nguồn tiền lương của cụ T.

Đến ngày 01/02/2017, giữa bà và bà Th đã cùng nhau thống nhất chốt lại số tiền bà Th còn nợ gốc là 330.000.000đ, tiền lãi còn nợ là 38.699.000 đồng, và thỏa thuận lại mức lãi suất cho vay là 1.5%/1 tháng, không có kỳ hạn. Bắt đầu từ tháng 06/2017, bà Th ủy quyền cho bà được lĩnh lương hưu của bà Th và có nói với bà rằng bà Th sẽ đi làm thêm để trả nợ cho bà và xin bà trả sổ hưu cho cụ T vì cụ T tuổi đã cao và do tin lời bà Th nên bà đã trả sổ hưu cho cụ T.

Từ tháng 06/2017 đến tháng 02/2024 bà là người trực tiếp nhận tiền lương hưu hằng tháng của bà Th để trừ vào khoản tiền lãi của số nợ nêu trên của bà Th. Đến tháng 03/2024, bà Th không đồng ý cho bà lấy lương hưu và tự ý rút sổ hưu của bà Th về. Từ đó đến nay bà Th không trả nợ thêm cho bà thêm lần nào về số tiền nợ gốc và số lãi. Bà D xác nhận đã nhận tiền lương hưu của bà Th và tiền bà Th chuyển khoản trả nợ từ tháng 04/2017 đến tháng 02 năm 2024, tổng số tiền bà đã nhận là 454.181.000đ. Sau đó bà Th lại đến gặp bà trình bày do khó khăn quá và bảo cho bà Th lấy lại số tiền 28.000.000đ để sử dụng việc cá nhân. Vì vậy, tổng số tiền bà D thực lĩnh và nhận của bà Th là 426.181.000 đ (*Bốn trăm hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi mốt nghìn đồng*).

Do đòi nợ nhiều lần nhưng bà Th không trả, vì vậy bà D khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Th phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 330.000.000 đồng và số tiền lãi suất chưa thanh toán gồm: Tiền lãi còn nợ theo thời gian chốt nợ (01/2/2017) là 38.699.000đồng; khoản tiền lãi còn thiếu trong khoảng thời gian từ ngày 01/2/2017 đến ngày 31/3/2024) là 5.291.000đ, tổng số là 43.993.000 đồng (lãi) và khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử 27/9/2024.

- Theo bản tự khai và quá trình tố tụng tại Toà án bị đơn bà Vi Thị Th đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T trình bày:

Bà Th xác nhận giữa bà và bà D có mối quan hệ quen biết nhau và xác nhận năm 2015, 2016 bà có vay của bà D số tiền 330.000.00đ loại vay có lãi suất và quá trình trả nợ như lời khai của bà D trình bày là đúng. Bà Th xác nhận vào ngày 01/02/2017, bà và bà D đã cùng nhau chốt lại số nợ, bà thừa nhận còn nợ của bà D số

tiền gốc là 330.000.000 đồng và thỏa thuận mức lãi suất vay 1.5%/1 tháng, đồng thời bà đồng ý để cho bà D được tự lĩnh lương hưu hằng tháng của bà để trừ vào số tiền lãi và gốc. Đến tháng 03/2024, bà không đồng ý cho bà D lấy lương hưu của bà để trả nợ nữa nên bà đã lấy lại sổ trả lương hưu của bà về quản lý, cũng từ đó bà không trả được nợ cho bà D.

Bà Th khai bà D đã lĩnh tiền lương hưu của bà từ tháng 04/2017 đến tháng 02/2024 cộng với số tiền bà đã chuyển khoản cho bà D là 454.181.000 đồng, sau đó bà đã lấy lại từ bà D số tiền 28.000.000 đồng để sử dụng cá nhân là đúng. Tổng số tiền bà D thực lĩnh lương và nhận của bà còn lại 426.181.000 đồng như bà D trình bày là đúng.

Việc vay tiền của bà D là do bà vay và tự sử dụng, cụ T (mẹ bà) chỉ là người cho bà mượn sổ hưu để bảo đảm cho khoản vay của bà từ năm 2015-2016. Từ đầu năm 2017, khi bà có sổ lương hưu bà đã dùng sổ lương hưu của mình để bảo đảm cho khoản vay của bà D, nên sau đó bà D đã trả sổ hưu cho cụ T. Anh S (con trai bà) cũng chỉ là người ký vào giấy vay bên mục người nhận ủy quyền để bảo đảm cho khoản vay của bà, thực tế cháu S không được sử dụng tiền. Bà Th xin được tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay cho bà D, không yêu cầu cụ T và cháu S phải có trách nhiệm liên đới trả. Do hiện nay cuộc sống của bà khó khăn, nên không thể trả cho bà D một lần hết toàn bộ số nợ, bà đề nghị bà D cho bà xin chỉ phải trả số 150.000.000 đồng và xin được chia thời hạn thanh toán nợ làm nhiều lần thành 05 lần.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Hồng S: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh S đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại tổ 1, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, xác định anh S đã không có mặt tại nơi cư trú, việc anh S đi đâu, làm gì anh S không báo cho tổ nhân dân được biết và không xác định được nơi cư trú hiên tại của anh S nên Tòa án không tiến hành ghi nhận ý kiến của anh S được.

Toà án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải tuy nhiên anh S đều vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên toà nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Vi Thị Th phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 330.000.000đ, rút phần yêu cầu bà Th phải trả khoản tiền lãi là 38.699.000đồng và khoản tiền lãi 5.291.000đ. Bà D đề nghị bà Th phải trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Th trình bày: Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về thời gian, khoản tiền vay và nghĩa vụ trả nợ. Bà Th nhất trí với thời gian hai bên thống nhất xác nhận lại số nợ là ngày 01/2/2017, số nợ gốc là 330.000.000đ, mức lãi suất 1,5%. Hiện nay kinh tế của bà rất khó khăn, tất cả chi tiêu, sinh hoạt đề phụ thuộc vào tiền lương, vì vậy bà mong bà D tạo điều kiện cho bà trả số tiền 150.000.000 đồng và chia thời hạn

thanh toán thành 05 lần. Nếu bà D không nhất trí đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Bà D và bà Th cùng xác nhận lại bà D đã lĩnh tiền lương hưu của bà Th từ tháng 01/2017 đến tháng 03/2024 cộng với số tiền bà Th đã chuyển khoản cho bà D là 463.891.000 đồng, sau đó bà Th đã lấy lại từ bà D số tiền 28.000.000 đồng để sử dụng cá nhân là đúng. Tổng số tiền bà D thực lĩnh lương và nhận chuyển khoản của bà Th còn lại 435.891.000 là đúng.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:***

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán.

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, như: Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; thu thập, xác minh chứng cứ, tiến hành giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Về thẩm quyền thụ lý: Bị đơn cư trú tại thành phố H, tỉnh Hà Giang. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý là đúng thẩm quyền.

Việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Thẩm phán xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử và việc giao hồ sơ đúng quy định tại Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự;

**** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

- Về nội D: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, 147, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Vi Thị Th phải trả bà Nguyễn Thị D số tiền gốc 330.000.000 đồng, và lãi suất tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử 27/9/2024 là 33.679.590đ. Tổng số gốc và lãi là 359.281.950đ.

3. Đình chỉ phần yêu cầu trả số tiền lãi 38.699.000đ và 5.291.000đ, tổng số là 43.993.000đ, do bà D rút yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Vi Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Vi Thị Th có địa chỉ cư trú tại tổ 01, phường M, thành phố H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

[2]. Về việc vắng mặt của người có QLNVLQ: Anh Lý Hồng S hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án nhân dân thành phố H đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[3]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn bà Vi Thị Th phải trả số tiền nợ gốc 330.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về giao dịch dân sự và là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội D vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc yêu cầu bà Vi Thị Th phải trả số tiền nợ gốc và lãi cho bà D là có căn cứ, bởi lẽ: Ngày 01/12/2015, bà Th có vay của bà D số tiền 300.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền, loại vay không thời hạn, lãi suất 2.5%/ tháng, tài sản bảo đảm là sổ lương của cụ T, cả cụ T, bà Th và anh S cùng ký xác nhận vào "Giấy ủy quyền kiêm giấy vay tiền" để xác nhận khoản vay của bà Th. Trong các ngày 29/01/2016 và ngày 07/2/2016, bà Th vay thêm của bà D số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số 03 lần bà Th đã vay của bà D là 330.000.000 đồng, quá trình vay và trả lãi từ khi vay đến ngày 01/02/2017. Sau đó giữa bà Th và bà D đã cùng nhau chốt lại số tiền bà Th còn nợ của bà D, nợ gốc là 330.000.000 đồng và thỏa thuận lại về mức lãi suất 1.5% tháng, nội D thỏa thuận ngày 01/02/2017, không lập thành văn bản nhưng được hai bên thừa nhận. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[5]. Xét thỏa thuận giao dịch vay tiền giữa bà D và bà Th: Việc bà D và bà Th cùng nhau chốt lại số tiền nợ vào ngày 01/02/2017, tuy không lập thành văn bản

nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cả bà D và bà Th đã cùng nhau thừa nhận và thống nhất số nợ gốc bà Th còn nợ của bà D chưa thanh toán là 330.000.000đ, mức lãi suất là 1,5%/1 tháng. Tại phiên tòa Bà D và bà Th cùng xác nhận lại việc bà D đã lĩnh tiền lương hưu của bà Th từ tháng 01/02/2017 đến tháng 03/2024 cộng với số tiền bà Th đã chuyển khoản cho bà D tổng số là 463.891.000 đ, sau đó bà Th đã lấy lại từ bà D số tiền 28.000.000 đồng để sử dụng cá nhân. Do đó, tổng số tiền bà D thực lĩnh lương và nhận chuyển khoản của bà Th còn lại 435.891.000đ. Thời gian bà Th chưa trả lãi từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử 27/9/2024. Từ khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội D của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật để các bên thực hiện.

[6]. Việc bà Th không trả số tiền còn nợ gốc cho bà D mặc dù bà D đã đòi nhiều lần là đã vi phạm quy định về hợp đồng dân sự về vay tài sản; nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự làm ảnh hưởng quyền lợi của bà D. Nên bà D khởi kiện yêu cầu bà Th trả tiền cho bà là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần buộc bà Th phải có trách nhiệm trả bà D số tiền nợ gốc 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*).

[7]. Xét về yêu cầu tính lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, bà D đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền bà D đã lĩnh lương hưu và nhận chuyển khoản của bà Th. Tổng số tiền bà D đã nhận, lĩnh là 463.891.000 đồng, sau đó bà Th đã lấy lại từ bà D số tiền 28.000.000 đồng để sử dụng cá nhân. Như vậy, Tổng số tiền bà D thực lĩnh lương và nhận chuyển khoản của bà Th còn lại 435.891.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi lăm triệu tám trăm chín mươi mốt nghìn đồng*).

[8]. Xét thấy, bà Th đã vay tiền của bà D là loại vay không kỳ hạn và có lãi suất. Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/3/2024 là 85 tháng 28 ngày, số tiền lãi là 330.000.000 đồng x 1.5%/1 tháng x 85 tháng 28 ngày = 431.475.000 đồng. Bà D thực lĩnh của bà Th số tiền 435.981.000đồng, đối trừ với số lãi bà Th phải trả là (435.891.000 - 431.475.000= 4.416.000đ). Số tiền còn thừa 4.416.000đ mà bà D đã nhận được trừ vào số nợ gốc: 330.000.000đ - 4.416.000đ = 325.584.000đ. Như vậy, tính đến ngày 01/4/2024 số tiền nợ gốc được xác định là 325.584.000đ (*Ba trăm hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*) (1).

[9]. Xét yêu cầu tính lãi của bà D đối với số tiền nợ gốc từ ngày 01/4/2024 đến ngày xét xử 27/9/2024 là 6 tháng 27 ngày, cụ thể là: 325.584.000đ x 1.5%/1 tháng x 6 tháng 27 ngày = 33.679.590 đồng (*Ba mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm chín mươi đồng*) (2).

[10]. Tổng số tiền gốc, lãi bà Th phải trả cho bà D (1)+ (2): 325.584.000đ.+ 33.679.590 đ = 359.263.590đ (*Ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm chín mươi đồng*).

[11]. Tại phiên tòa bà D xin rút phần yêu cầu bà Th phải trả khoản tiền lãi bà Th còn nợ trước ngày hai bên chốt nợ 01/7/2027 là 38.699.000đồng + 5.291.000đ. Do đó, HĐXX đình chỉ việc giải quyết đối với phần yêu cầu đòi số lãi này của bà D

[12]. Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Cụ T và anh S cùng ký vào giấy ủy quyền kiêm giấy vay tiền của bà Th với tư cách là người được ủy quyền để trả nợ cho bà Th. Tuy nhiên hiện nay cụ T đã trên 90 tuổi, anh S không có mặt tại nơi cư trú. Qúa trình giải quyết Bà Th xin tự nguyện trả toàn bộ số nợ cho bà D, không đề nghị cụ T và anh S phải trả thay bà Th số nợ nêu trên. Bà D cũng nhất trí với ý kiến của bà Th về việc để cho bà Th tự trả toàn bộ khoản nợ cho bà D mà không đề nghị trách nhiệm liên đới trả nợ của cụ T và anh S. Xét việc thỏa thuận về việc để bà Th tự có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ cho bà D là do hai bên tự nguyện, nên HĐXX không xem xét trách nhiệm của cụ T và anh S trong vụ án.

[13]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[14]. Về án phí: Buộc bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho bà D toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Xử: Buộc Vi Thị Th phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 359.263.590.000 đ (*Ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm chín mươi đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi Hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu số tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc đòi khoản tiền lãi suất là 43.993.000đ, do bà D rút yêu cầu.

4. Về án phí: Buộc bà Vi Thị Th phải chịu số tiền: 17.963.180đ (*Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn một trăm tám mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại bà D số tiền tạm ứng án phí 9.350.000đ (*Chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự biên lai thu số 0000428 ngày 03/7/2024.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND TP. Hà Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Hà Giang;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thanh Bình